

Bản án số: **86/2026/HNGĐ-ST**
Ngày: 12/5/2026
V/V tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Màu

Ông Trần Văn An

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đồng Tháp đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2025/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự.

Nguyên đơn:

Chị Nguyễn Thị D, sinh ngày 01/01/1991 (có mặt);

Số căn cước công dân: 080191004136;

Địa chỉ: ấp M, xã H, tỉnh Đ.

Bị đơn:

Anh Huỳnh Văn B, sinh ngày 23/7/1978 (có đơn xin vắng mặt);

Số căn cước công dân: 082078003958;

Địa chỉ: ấp M, xã H, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 11 năm 2025, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị D và anh Huỳnh Văn B kết hôn với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh T (nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Đ) theo giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 17 tháng 5 năm 2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm

2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh B thường xuyên nhậu, không lo làm ăn và đánh đập chị mấy lần, có lần đập đầu chị làm chị phải đi bệnh viện. Chị và anh B đã ly thân không còn sống chung và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 6/2024 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Văn B.

Về con chung: có 02 con chung tên Huỳnh Thu T, sinh ngày 10/8/2008 và Huỳnh Như B, sinh ngày 11/8/2012. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án anh Huỳnh Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh thống nhất với lời trình bày của chị D về thời gian kết hôn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh có nhậu và có đánh chị D một lần, ngoài ra không còn nguyên nhân gì khác. Anh và chị D đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ ngày tháng 7/2024 âm lịch cho đến nay. Từ lúc ly thân đến nay thì anh không liên lạc được với chị D nên anh cũng không có hàn gắp hay khuyên gì chị D được. Nay chị D yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì anh còn thương vợ.

Về con chung: có 02 con chung như chị D trình bày là đúng. Hai con chung muốn sống với chị D thì anh cũng đồng ý giao hai con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa bị đơn anh Huỳnh Văn B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh B vắng mặt có đơn xin vắng mặt. Ngoài những ý kiến trình bày tại biên bản hòa giải ngày 18/12/2025, Tờ tự khai đề ngày 18/12/2025 thì anh B không có ý kiến gì thêm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp phát biểu ý kiến và đề nghị:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 68, 79, 71, 72, 73, 234 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Bộ luật Hôn nhân và gia đình;

+ Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị D, cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Huỳnh Văn B.

+ Về con chung: Giao cháu Huỳnh Thu T, sinh ngày 10/8/2008 và Huỳnh Như B, sinh ngày 11/8/2012 cho chị Nguyễn Thị D chăm sóc, nuôi dưỡng, anh B không cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu. Nên không xem xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn anh Huỳnh Văn B vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”, bị đơn anh Huỳnh Văn B có hộ khẩu thường trú tại ấp M, xã H, tỉnh Đ căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Dân và anh Huỳnh Văn B tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hội, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã H tỉnh Đ) theo giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 17 tháng 5 năm 2011 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: sau khi chị D và anh B xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2007, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh B thường xuyên nhậu, không lo làm ăn và đánh chị D. Chị D và anh B đã ly thân không còn sống chung và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 6/2024 cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay cũng hơn một năm nhưng chị D và anh B cũng không có liên lạc, không quan tâm chăm sóc gì nhau và mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng của mình.

[3.2] Mặc dù, Tòa án đã động viên nhưng chị D vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh B, chị D trình bày là không còn tình cảm gì với anh B, không thể hàn gắn lại với anh B. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh B không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp nào để vợ chồng có thể hàn gắn lại.

[3.3] Từ những phân tích trên, đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử nhận định tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, chị D cương quyết ly hôn. Vì vợ chồng không thể đoàn tụ được nên mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung giữa chị D và anh B không còn hạnh phúc. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: có 02 con chung tên Huỳnh Thu T, sinh ngày 10/8/2008 và Huỳnh Như B, sinh ngày 11/8/2012. Khi ly hôn chị D yêu cầu nuôi dưỡng hai con chung, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Anh B cũng đồng ý giao hai con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết, cháu Huỳnh Thu T, Huỳnh Như B có nguyện vọng được sống với chị D khi chị D và anh B ly hôn. Do đó, để ổn định cuộc sống cho cháu T, cháu B và cũng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu nên giao cháu Huỳnh Thu T, Huỳnh Như B cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D trình bày không có và anh B trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Đồng Tháp là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 3, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Huỳnh Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Thu T, sinh ngày 10/8/2008 và Huỳnh Như B, sinh ngày 11/8/2012 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Huỳnh Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không có yêu cầu.

Anh Huỳnh Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và

gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp theo biên lai số 0008863 ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Nên chị D đã nộp xong tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 5 – Đồng Tháp;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5, tỉnh Đồng Tháp;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Thoa

